TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST.
Ngày: 16 – 5 – 2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm 1977; cư trú tại ấp D, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Phương V (tên gọi khác G), sinh năm 1974 (*vắng mặt*).

2.2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1976 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp 3, xã E, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; cư trú tại ấp D, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Trung T trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị H làm nghề kinh doanh ăn uống, còn vợ chồng ông Lê Phương V, bà Trần Thị L làm nghề kinh doanh gas. Vợ chồng ông

mua gas của ông V, bà L nên quen biết nhau. Năm 2017, do cần tiền xoay sở ông V, bà L 02 lần hỏi vay tiền của vợ chồng ông hẹn 10 ngày trả lại. Vì quen biết nên vợ chồng ông đồng ý cho ông V, bà L vay không tính lãi. Lần thứ nhất, ngày 27/9/2017 âm lịch (ngày 15/11/2017 dương lịch) cho vay số tiền 10.000.000 đồng. Lần thứ hai, ngày 29/9/2017 âm lịch (ngày 17/11/2017 dương lịch) cho vay số tiền 10.000.000 đồng. Các lần cho vay đều có biên nhận do ông viết và đại diện ký tên bên cho vay, ông V đại diện ký tên bên vay. Mặc dù, các khoản vay đã quá hạn mà ông V, bà L chưa trả nên vợ chồng ông nhiều lần đi đến nhà gặp ông V, bà L yêu cầu trả nợ nhưng ông V, bà L lần lượt khất hẹn không trả.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà L có trách nhiệm trả lại cho ông và bà H số tiền vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi trong thời gian chậm trả.

Tại biên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thống nhất yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông V, bà L có trách nhiệm trả lại cho bà và ông T số tiền vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi trong thời gian chậm trả. Ngoài ra, không yêu cầu hoặc đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Lê Phương V, bà Trần Thị L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền, loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Phương V, bà Trần Thị L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Vũ, bà Loan theo thủ tục chung.

[3]. *Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện, điều luật áp dụng và hướng giải quyết*:

[4]. Lời trình bày của ông Trần Trung T, bà Nguyễn Thị H phù hợp với 02 biên nhận cho vay ngày 27/9/2017 âm lịch (BL: 25) và ngày 29/9/2017 âm lịch (BL: 26). Mặc dù, ông V, bà L đã được tống đạt hợp lệ (nhận trực tiếp) thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án. Nhưng ông V, bà L không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên không có căn cứ xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V, bà L trong vụ án theo quy định của pháp luật. Đủ cơ sở kết luận ông V, bà L vay của ông T, bà H số tiền 20.000.000 đồng theo hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, đến hạn ông V, bà L không trả nợ.

[5]. Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự quy định: "*Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..., trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*" và "*Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn: Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.*". Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông V, bà L có trách nhiệm trả cho ông và bà H số tiền gốc 20.000.000 đồng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Ông V, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà H có quyền yêu cầu ông V, bà L trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, ông T, bà H thống nhất không yêu cầu ông V, bà L trả tiền lãi chậm trả là tự nguyện, có lợi cho ông V, bà L. Căn cứ vào phạm vi khởi kiện, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kể từ ngày người được thi hành án ông T, bà H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 20.000.000 đồng thì người phải thi hành án ông V, bà L còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[6]. Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và lời đề nghị của bà H giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

[7. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án nên ông V, bà L phải chịu án phí số tiền 1.000.000 đồng; hoàn trả cho ông T nhận lại số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T:

Buộc ông Lê Phương V, bà Trần Thị L cùng có trách nhiệm trả cho ông Trần Trung T, bà Nguyễn Thị Hsố tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án ông Trần Trung T, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ông Lê Phương V, bà Trần Thị L phải thi hành án số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng thì ông V, bà L còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Lê Phương V, bà Trần Thị L phải nộp án phí số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho ông Trần Trung T số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số No 0011424 ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Trần Trung T là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt ông Lê Phương V, bà Trần Thị L là bị đơn. Báo cho ông T, bà H có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông V, bà L vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ + NLQ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Minh Tân